

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

SO SÁNH ẪN DỤ “LÀN SÓNG” và “HALLYU” TRONG
TRUYỀN THÔNG BÁO CHÍ VIỆT NAM - HÀN QUỐC

NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI*

TÓM TẮT: Bài viết tiến hành phân tích và so sánh ẩn dụ “làn sóng” trong báo chí Việt Nam và “Hallyu” trong báo chí Hàn Quốc dựa trên phương pháp định tính và lý thuyết ẩn dụ ý niệm (Lakoff & Johnson, 1980). Nghiên cứu tập trung phân tích bản chất ẩn dụ, sự khác biệt trong cách tri nhận và ý nghĩa văn hóa hàm chứa bên trong. Kết quả cho thấy: “làn sóng” trong tiếng Việt được sử dụng như một ẩn dụ mang tính tự nhiên, linh hoạt, phản ánh sự lan tỏa mang tính nội sinh; trong khi đó, “hallyu” trong tiếng Hàn thể hiện rõ tính chiến lược, chủ đích và trở thành biểu tượng cho sức mạnh mềm quốc gia. Qua việc phân tích đối chiếu, bài viết góp phần làm sáng tỏ sự khác biệt trong tư duy văn hóa giữa Việt Nam và Hàn Quốc, đồng thời cung cấp cơ sở ngôn ngữ cho hoạt động dịch thuật và truyền thông liên văn hóa.

TỪ KHÓA: ẩn dụ ý niệm; làn sóng; Hallyu; báo chí; văn hóa; Hàn Quốc; Việt Nam.

NHẬN BÀI: 02/05/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 18/07/2025

1. Đặt vấn đề

Ẩn dụ không chỉ là công cụ tu từ mà còn là một cơ chế nền tảng của tư duy và tri nhận, giúp con người hiểu và tổ chức tri thức về thế giới. Theo Lakoff và Johnson (1980), ẩn dụ ý niệm là sự ánh xạ giữa miền nguồn (thường là các trải nghiệm cụ thể) sang miền đích (thường là các khái niệm trừu tượng), từ đó hình thành cách con người suy nghĩ, cảm nhận và hành động. Trong lĩnh vực truyền thông báo chí, ẩn dụ được xem là công cụ ngôn ngữ hiệu quả để định hướng nhận thức công chúng, tăng tính thuyết phục và phản ánh các giá trị văn hóa (Charteris-Black, 2004).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, từ “làn sóng” trong tiếng Việt và “Hallyu” trong tiếng Hàn nổi lên như những ẩn dụ có sức ảnh hưởng mạnh mẽ trong ngôn ngữ báo chí. Cả hai đều gợi hình ảnh về sự lan tỏa nhanh chóng, tuy nhiên chúng được xây dựng trên những nền tảng văn hóa và bối cảnh sử dụng khác nhau. “Làn sóng” trong tiếng Việt là một ẩn dụ phổ quát, thường được dùng để chỉ các hiện tượng xã hội lan rộng như “làn sóng khởi nghiệp”, “làn sóng tẩy chay” hay “làn sóng Hallyu”, mang sắc thái tự nhiên và cộng đồng. Ngược lại, “Hallyu” trong tiếng Hàn là một thuật ngữ đặc thù trong văn hóa Hàn Quốc, dùng để chỉ hiện tượng lan tỏa toàn cầu của văn hóa đại chúng Hàn Quốc, bao gồm: K-pop, phim truyền hình, âm thực, thời trang - và gắn liền với chiến lược quốc gia quảng bá “sức mạnh mềm” ra thế giới.

Tại Việt Nam, sự du nhập và phát triển mạnh mẽ của Hallyu đã góp phần tạo nên một diễn ngôn truyền thông đặc biệt, trong đó ẩn dụ “làn sóng” trong tiếng Việt và tiếng Hàn thường xuyên được sử dụng song song hoặc chuyển hóa lẫn nhau. Điều này đặt ra những câu hỏi đáng chú ý: Cách sử dụng hình ảnh ẩn dụ “làn sóng” và “Hallyu” trong báo chí hai nước có phản ánh sự khác biệt trong tư duy tri nhận và chiến lược truyền thông hay không? Và ẩn dụ ấy nói lên điều gì về mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và quyền lực mềm?

Nghiên cứu này nhằm: (1) phân tích bản chất ẩn dụ ý niệm của “làn sóng” và “hallyu” trong báo chí Việt Nam và Hàn Quốc; (2) so sánh cách sử dụng và ánh xạ tri nhận của ẩn dụ này; (3) làm rõ những ý nghĩa văn hóa - xã hội được phản ánh qua hình ảnh “làn sóng”. Kết quả nghiên cứu không chỉ đóng góp về mặt lý luận cho ngôn ngữ học tri nhận và nghiên cứu liên văn hóa, mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn cho dịch thuật báo chí, truyền thông xuyên văn hóa, và chiến lược quảng bá văn hóa quốc gia.

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: tuyetmaikt24@gmail.com

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Ngôn ngữ học tri nhận và ẩn dụ ý niệm

Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics) tiếp cận ngôn ngữ như một phần không thể tách rời của tư duy con người, phản ánh trực tiếp quá trình con người nhận thức và ý niệm hóa thế giới thông qua kinh nghiệm sống, tri giác và văn hóa. Theo Lakoff và Johnson (1980), một trong những cơ chế nền tảng của tư duy là ẩn dụ ý niệm - hình thức nhận thức trong đó một miền khái niệm trừu tượng (miền đích) được hiểu và cấu trúc hóa thông qua một miền khái niệm cụ thể hơn (miền nguồn). Quá trình này diễn ra qua các ánh xạ một chiều, bất đối xứng, tạo nên những mô hình tri nhận có hệ thống.

Các biểu thức ẩn dụ trong ngôn ngữ chỉ là bề mặt thể hiện của các ẩn dụ ý niệm tồn tại trong tư duy, phản ánh cách cộng đồng ngôn ngữ tổ chức thế giới tri nhận. Như Kövecses (2002) đã chỉ ra, tuy các ẩn dụ ý niệm có tính phổ quát ở tầng sâu, nhưng sự biểu hiện và cách thức tổ chức ánh xạ lại chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi bối cảnh văn hóa - xã hội của từng cộng đồng. Chính sự tương tác giữa yếu tố phổ quát và đặc thù này là nền tảng để phân tích và đối chiếu hai ẩn dụ “làn sóng” và “Hallyu” trong truyền thông Việt Nam và Hàn Quốc.

2.2. Vai trò của ẩn dụ trong truyền thông báo chí

Trong lĩnh vực báo chí, ẩn dụ không chỉ đơn thuần là phương tiện tu từ nhằm gia tăng tính biểu cảm mà còn là một công cụ tri nhận quan trọng, giúp khung hóa (framing) các hiện tượng xã hội phức tạp thông qua hình ảnh cụ thể và quen thuộc. Lakoff và Johnson (1980) cho rằng, việc hiểu các khái niệm trừu tượng như “làn sóng” hoặc “dòng chảy” thường dựa vào ánh xạ từ các miền nguồn mang tính không gian.

Ẩn dụ trong báo chí có chức năng định hướng diễn giải, tạo lập ý nghĩa, đồng thời khơi gợi cảm xúc và hình thành quan điểm trong công chúng. Như Charteris-Black (2004) đã khẳng định, ẩn dụ là phương tiện kiến tạo diễn ngôn xã hội bằng cách làm nổi bật một số khía cạnh của hiện thực và làm mờ đi các khía cạnh khác. Ví dụ, cụm từ “làn sóng tẩy chay” trong tiếng Việt hay “한류열풍” (con sóng Hallyu) trong tiếng Hàn không chỉ phản ánh hiện tượng lan tỏa mà còn định hình cách nhìn nhận và cảm xúc đối với hiện tượng ấy, thông qua mô hình hóa tri nhận đặc trưng cho từng nền văn hóa.

2.3. Trường ngữ nghĩa và cơ chế mở rộng nghĩa

Trong ngôn ngữ học tri nhận, trường ngữ nghĩa (semantic field) được hiểu là một tập hợp các từ ngữ có quan hệ ý nghĩa gần gũi, cùng tham gia biểu đạt một miền khái niệm nhất định. Các đơn vị từ vựng trong một trường ngữ nghĩa thường có mối quan hệ phân cấp và hỗ trợ nhau trong việc cấu trúc hóa ý nghĩa. Từ “làn sóng”, vốn thuộc về trường ngữ nghĩa tự nhiên (liên quan đến chuyển động của nước), khi chuyển sang tầng diễn ngôn xã hội, đã mở rộng nghĩa qua cơ chế ẩn dụ, trở thành phương tiện biểu đạt cho những hiện tượng lan tỏa trong các lĩnh vực văn hóa, chính trị, truyền thông thông qua hai cơ chế chính bao gồm:

Tỏa tia (radiation): các nghĩa phát triển từ trung tâm điển mẫu, tồn tại độc lập nhưng cùng quy chiếu về một nguồn gốc chung.

Liên kết chuỗi (concatenation): mỗi nghĩa mới kế thừa và phát triển từ nghĩa trước đó, tạo thành chuỗi mở rộng ý nghĩa.

2.3. Ngôn ngữ học đối chiếu và ảnh hưởng văn hóa

Ngôn ngữ học đối chiếu cung cấp công cụ quan trọng để làm rõ sự tương đồng và khác biệt trong cách tri nhận và biểu đạt ẩn dụ giữa các ngôn ngữ. Trong bối cảnh nghiên cứu này, sự khác biệt về văn hóa tri nhận giữa Việt Nam và Hàn Quốc đóng vai trò then chốt trong việc hình thành và sử dụng ẩn dụ “làn sóng”.

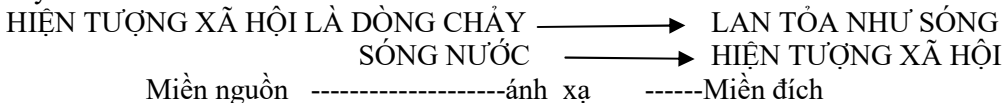
Tại Việt Nam, tư duy cộng đồng gắn với văn hóa nông nghiệp và lối sống làng xã hình thành cách tri nhận “làn sóng” như một hiện tượng tự phát, không trung tâm điều khiển rõ ràng. Ngược lại, tại Hàn Quốc, tư duy thứ bậc và chiến lược toàn cầu hóa văn hóa kiến tạo “Hallyu” như một biểu tượng của chiến lược quốc gia có tổ chức, có định hướng và mang tính chính sách. Sự khác biệt này cho thấy hai mô hình diễn ngôn là diễn ngôn cộng đồng - tự phát (Việt Nam) và diễn ngôn chiến lược - tổ

chức (Hàn Quốc). Vì vậy, việc đối chiếu ẩn dụ “làn sóng” cần được làm rõ trên hai cấp độ: 1/Ánh xạ ẩn dụ phổ quát liên quan đến hiện tượng “làn sóng”; 2/Án dụ phức hợp mang tính đặc thù văn hóa, được cấu trúc bởi bối cảnh chính trị - truyền thông - lịch sử của từng quốc gia.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Phân tích ẩn dụ “làn sóng” trong báo chí Việt Nam

Trong báo chí Việt Nam, cụm từ “làn sóng” được sử dụng phổ biến để mô tả các hiện tượng xã hội lan rộng, mang sắc thái cảm xúc tích cực, trung tính, hoặc tiêu cực. Theo lý thuyết ẩn dụ ý niệm của Lakoff và Johnson (1980), “làn sóng” ánh xạ từ miền nguồn - hiện tượng tự nhiên của sóng nước - sang miền đích - các hiện tượng xã hội trừu tượng thể qua cấu trúc ẩn dụ điển hình như hình dưới đây:



VD1: “*Năm 2023 làn sóng Hallyu vẫn phát triển bền vững tại Việt Nam*” (Báo Phụ nữ Thủ Đô, 2023)

Ẩn dụ “làn sóng Hallyu” sử dụng hình ảnh “làn sóng” từ trường ngữ nghĩa tự nhiên để diễn đạt sự lan tỏa mạnh mẽ của văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam. Cấu trúc ẩn dụ ánh xạ miền nguồn “làn sóng” (chuyển động của nước) sang miền đích là sự phổ biến của Hallyu (K-pop, phim ảnh, và các sản phẩm văn hóa Hàn Quốc). Cơ chế mở rộng nghĩa tỏa tia cho phép “sóng” chuyển từ nghĩa đen sang nghĩa bóng, nhấn mạnh tính rộng khắp và ảnh hưởng sâu sắc của hallyu, định hình hallyu như một hiện tượng văn hóa toàn cầu, không thể cưỡng lại, đồng thời phản ánh sự tiếp nhận cởi mở của công chúng Việt Nam. Trong bối cảnh văn hóa Việt Nam, với tư duy cộng đồng và sự gắn gũi với thiên nhiên, ẩn dụ này gợi lên hình ảnh một dòng chảy tự nhiên, lan tỏa thụ động.

VD2: “*Coca-Cola đổi mặt làn sóng tẩy chay vì khủng hoảng rác thải nhựa*” (Tạp chí Một và Cuộc sống, 2025)

Ẩn dụ “làn sóng tẩy chay” sử dụng hình ảnh “làn sóng” từ trường ngữ nghĩa tự nhiên để mô tả sự lan tỏa của phong trào bảo vệ môi trường. Cấu trúc ẩn dụ ánh xạ miền nguồn “làn sóng” (sóng nước lan tràn, không thể ngăn cản) sang miền đích là sự hưởng ứng rộng rãi của cộng đồng đối với phong trào giảm rác thải nhựa. Cơ chế mở rộng nghĩa tỏa tia cho phép “làn sóng” chuyển sang ý nghĩa thể hiện phong trào xã hội một cách tích cực. Bên cạnh đó khung diễn ngôn của ẩn dụ này nhấn mạnh ý thức bảo vệ môi trường và sự đồng thuận cộng đồng, gợi lên hình ảnh một dòng chảy tự nhiên, được thúc đẩy bởi đám đông, phản ánh sức mạnh tập thể trong các phong trào mang tính xã hội.

VD3: “*Hiện tượng tẩy chay trên mạng xã hội dường như ngày càng nhanh, mạnh và nóng hơn*”. (Báo Đại Đoàn Kết, 2024)

Ẩn dụ “làn sóng tẩy chay” sử dụng hình ảnh “làn sóng” từ trường ngữ nghĩa tự nhiên để diễn đạt sự gia tăng và lan rộng của các hành động tẩy chay trên mạng xã hội. Cấu trúc ẩn dụ ánh xạ miền nguồn “làn sóng” sang miền đích là sự lây lan của các phong trào tẩy chay trong cộng đồng mạng. Cơ chế mở rộng nghĩa liên kết chuỗi cho phép “làn sóng” liên kết tuần tự với các hiện tượng xã hội, nhấn mạnh tính chất nhanh chóng, mạnh mẽ và khó kiểm soát. Khung diễn ngôn khuếch đại tính nghiêm trọng của tẩy chay, gợi lên hình ảnh một dòng chảy dữ dội, phản ánh sự nhạy cảm và phản ứng nhanh của cộng đồng mạng Việt Nam. So với “làn sóng tẩy chay nhựa”, ẩn dụ này mang sắc thái tiêu cực hơn, cảnh báo về áp lực xã hội từ các phong trào trên mạng xã hội.

VD 4: “*Làn sóng cắt giảm nhân sự đang đổ bộ toàn cầu - thể hiện sự nỗ lực của các Chính phủ cũng như tổ chức, doanh nghiệp để thích ứng với những thay đổi, biến động*” (VTV online, 2025)

Ẩn dụ “làn sóng cắt giảm nhân sự” sử dụng hình ảnh “làn sóng” để mô tả sự gia tăng nhanh chóng của các hoạt động cắt giảm nhân sự trong bối cảnh kinh tế khó khăn. Cấu trúc ẩn dụ ánh xạ miền nguồn “làn sóng” sang miền đích là sự tăng nhanh của việc sa thải nhân sự của các doanh nghiệp với

quy mô lớn. Cơ chế mở rộng nghĩa tỏa tia cho phép “làn sóng” chuyển sang ý nghĩa bùng nổ, cảm giác bị áp đảo và sự khó tránh khỏi mang tính toàn cầu.

VD5: “*Khi gia nhập làn sóng chuyển đổi số trong năm 2024, các doanh nghiệp cần chú trọng xây dựng chiến lược chuyển đổi số phù hợp, đầu tư công nghệ và đào tạo nhân lực số.*” (Việt Nam net, 2024)

Ẩn dụ “làn sóng chuyển đổi số” sử dụng hình ảnh “làn sóng” để diễn đạt sự thay đổi mạnh mẽ và lan rộng trong lĩnh vực báo chí nhờ công nghệ số. Cấu trúc ẩn dụ ánh xạ miền nguồn “làn sóng” sang miền đích là sự chuyển đổi trong cách thức vận hành. Cơ chế mở rộng nghĩa liên kết chuỗi cho phép “làn sóng” liên kết với các phong trào công nghệ và chính trị, nhấn mạnh tính tất yếu và sự lan tỏa, xác định chuyển đổi số như một xu thế không thể tránh khỏi, thúc đẩy sự hiện đại hóa. Trong bối cảnh Việt Nam, với nỗ lực thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, ẩn dụ này phản ánh sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp vào chiến lược phát triển công nghệ.

Có thể thấy, các ví dụ về ẩn dụ ý niệm “làn sóng” trong báo chí Việt Nam sử dụng hình ảnh “làn sóng” từ trường ngữ nghĩa tự nhiên mở rộng qua cơ chế tỏa tia và liên kết chuỗi để diễn đạt các hiện tượng văn hóa, xã hội, kinh tế, và chính trị nhất định. Mỗi ẩn dụ mang khung diễn ngôn riêng: “Hallyu” nhấn mạnh tiếp nhận văn hóa ngoại lai, “tẩy chay” khuếch đại phản ứng xã hội, “chuyển đổi số” khẳng định xu thế hiện đại hóa,... Các ẩn dụ này phản ánh tư duy cộng đồng, tính tự phát, và sự gần gũi với thiên nhiên trong tư duy của người Việt.

3.2. Phân tích ẩn dụ “hallyu” trong báo chí Hàn Quốc

Theo lý thuyết ẩn dụ ý niệm của Lakoff và Johnson (1980), các từ này ánh xạ từ miền nguồn - hiện tượng tự nhiên của sóng nước - sang miền đích - các hiện tượng xã hội, văn hóa, kinh tế và chính trị trừu tượng, thông qua cấu trúc ẩn dụ: HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI LÀ DÒNG CHẢY → LAN TỎA NHƯ SÓNG. Phân phân tích dưới đây sẽ làm rõ cách các ẩn dụ này được sử dụng trong báo chí, định hình nhận thức công chúng và thể hiện ý nghĩa văn hóa - xã hội.

VD6: “1990년대 후반부터 시작된 **한류열풍**은 현재까지 꾸준히 이어져 오고 있는데요. 음악, 영화, 음식, 웹툰 등 여러 분야에서 세계인들의 큰 관심을 받고 있습니다.” (“*Làn sóng Hallyu bắt đầu từ cuối những năm 1990 cho đến nay vẫn tiếp tục duy trì ổn định. Ở nhiều lĩnh vực như âm nhạc, điện ảnh, ẩm thực, webtoon..., hallyu đang nhận được sự quan tâm lớn từ người dân trên toàn thế giới*”). (Naver.com, 2024)

Ẩn dụ “한류열풍” (con sóng Hallyu) sử dụng hình ảnh “sóng” từ trường ngữ nghĩa tự nhiên, kết hợp “열풍” (con sóng) để diễn đạt sự lan tỏa mạnh mẽ và liên tục của văn hóa Hàn Quốc, bao gồm âm nhạc (K-pop), phim ảnh (K-drama), ẩm thực (K-food), và webtoon. Cấu trúc ẩn dụ ánh xạ miền nguồn “sóng nước” (chuyển động dữ dội, lan rộng) sang miền đích là sự phổ biến toàn cầu của các sản phẩm văn hóa. Cơ chế mở rộng nghĩa tỏa tia cho phép “열풍” chuyển từ nghĩa vật lý (gió nóng, cơn sóng) sang nghĩa bóng, nhấn mạnh cường độ bùng nổ và sức hút rộng khắp. Khung diễn ngôn mang sắc thái tích cực, định hình Hallyu như một hiện tượng văn hóa toàn cầu có sức ảnh hưởng lâu dài, phản ánh sự tự hào dân tộc và chiến lược quảng bá văn hóa có tổ chức của Hàn Quốc.

VD 7: “오징어 게임 외에도 K-팝, K-푸드 등 한류콘텐츠는 다양한 분야에서 세계로 뿔어나갔다” (“*Ngoài Squid Game, các nội dung Hallyu như K-pop, K-food và các lĩnh vực khác đã vươn ra toàn thế giới.*”). (Seoulgyodaeakbo, 2025)

Ẩn dụ “한류콘텐츠” (nội dung Hallyu) sử dụng hình ảnh “sóng” ẩn trong khái niệm “Hallyu” để mô tả sự lan tỏa của các sản phẩm văn hóa và kinh tế như Squid Game (K-drama), K-pop, và K-food trên thị trường quốc tế. Cấu trúc ẩn dụ ánh xạ miền nguồn “sóng nước” (chuyển động lan tràn, không ngừng) sang miền đích là sự mở rộng ảnh hưởng của các sản phẩm văn hóa và kinh tế. Cơ chế mở rộng nghĩa liên kết chuỗi cho phép “Hallyu” liên kết với các khái niệm cụ thể như phim truyền hình,

âm nhạc, và thực phẩm, nhấn mạnh sự đa dạng và tính toàn diện của hiện tượng. Khung diễn ngôn mang tính tích cực, định hình Hallyu như một động lực văn hóa và kinh tế, phản ánh tư duy chiến lược của Hàn Quốc trong việc tận dụng văn hóa để thúc đẩy xuất khẩu.

VD 8: “한류 3.0 시대는 전통문화, 문화·예술, 문화 콘텐츠를 모두 포괄하는 것으로 K-Culture 라 한다.” (“*Kĩ nguyên Hallyu 3.0 bao gồm văn hóa truyền thống, văn hóa nghệ thuật và nội dung văn hóa, được gọi là K-Culture.*”). (Nationalatlas, 2024)

Ấn dụ “한류 3.0”(Hallyu 3.0) sử dụng hình ảnh “sóng” trong khái niệm “Hallyu” để diễn đạt sự tiến hóa và lan tỏa của văn hóa Hàn Quốc, từ văn hóa truyền thống đến nghệ thuật và nội dung hiện đại (K-Culture). Cấu trúc ẩn dụ ánh xạ miền nguồn “sóng nước” (chuyển động tuần hoàn, phát triển) sang miền đích là sự mở rộng và đổi mới của hiện tượng văn hóa. Cơ chế mở rộng nghĩa liên kết chuỗi cho phép “Hallyu” phát triển từ các giai đoạn trước (1.0, 2.0) sang giai đoạn 3.0, nhấn mạnh tính hệ thống và chiến lược. Khung diễn ngôn mang sắc thái tích cực, định hình Hallyu như một hiện tượng văn hóa toàn diện, không chỉ giới hạn ở K-pop hay K-drama mà còn bao hàm giá trị truyền thống.

VD9: “공공외교는 한류라는 소프트 파워 자원을 소프트 파워라는 힘으로 전환시키는 전환기체의 기능을 수행한다.” (“*Ngoại giao công chúng đóng vai trò như một chất xúc tác chuyển đổi nguồn tài nguyên quyền lực mềm là Hallyu (làn sóng Hàn Quốc) thành sức mạnh thực sự của quyền lực mềm.*”). (The institute of Foreign Affairs and National Security, 2023)

Ấn dụ “한류” (Hallyu) trong ví dụ trên ánh xạ từ miền nguồn “làn sóng” sang miền đích là chiến lược ngoại giao sử dụng văn hóa để tăng cường ảnh hưởng quốc tế. Cơ chế mở rộng nghĩa liên kết chuỗi cho phép “Hallyu” liên kết với các khái niệm chính trị như quyền lực mềm và ngoại giao văn hóa, nhấn mạnh sự lan tỏa có chủ đích của ảnh hưởng Hàn Quốc. Khung diễn ngôn của ẩn dụ này mang tính chiến lược, định hình Hallyu như một công cụ chính trị do nhà nước dẫn dắt, khác với tính tự phát của “làn sóng” trong báo chí Việt Nam. Ấn dụ này phản ánh tư duy thứ bậc và định hướng quốc gia trong bối cảnh Hàn Quốc, nơi Hallyu được xem là một phần của chiến lược toàn cầu hóa.

Các ví dụ về ẩn dụ “làn sóng” trong báo chí Hàn Quốc, thông qua “한류” (Hallyu) sử dụng hình ảnh từ trường ngữ nghĩa tự nhiên, mở rộng qua cơ chế tỏa tia và liên kết chuỗi để diễn đạt các hiện tượng văn hóa, kinh tế, và chính trị. Mỗi ẩn dụ mang khung diễn ngôn riêng như “한류열풍”(làn sóng Hallyu) nhấn mạnh sự bùng nổ văn hóa toàn cầu; “한류콘텐츠”(nội dung Hallyu) khẳng định vai trò kinh tế hay “한류 3.0”(Hallyu 3.0) thể hiện sự tiến hóa về văn hóa.

3.3. Những tương đồng và khác biệt

3.3.1. Điểm tương đồng

Về ánh xạ tri nhận phổ quát: Cả báo chí Việt Nam và Hàn Quốc đều sử dụng ẩn dụ “làn sóng” dựa trên miền nguồn là hiện tượng tự nhiên của sóng nước, ánh xạ sang miền đích là các hiện tượng xã hội, văn hóa, kinh tế và chính trị. Cấu trúc ẩn dụ HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI LÀ DÒNG CHẢY → LAN TỎA NHƯ SÓNG là phổ quát, phản ánh tư duy tri nhận chung của con người về sự lan truyền và ảnh hưởng rộng khắp.

Về cơ chế mở rộng nghĩa: cả hai ngôn ngữ đều sử dụng cơ chế *tỏa tia* và *liên kết chuỗi* để mở rộng nghĩa từ trường ngữ nghĩa tự nhiên (sóng nước) sang các lĩnh vực trừu tượng như văn hóa (Hallyu, K-content), kinh tế (chuyển đổi số, xuất khẩu), chính trị (ngoại giao), và xã hội (tẩy chay, học ngôn ngữ).

Về chức năng khung hóa trong báo chí truyền thông: Cả “làn sóng” và “Hallyu” đều đóng vai trò khung hóa (framing) các hiện tượng xã hội, định hướng nhận thức công chúng theo cách của

Charteris-Black (2004). Cả hai đều sử dụng ẩn dụ để làm nổi bật một số khía cạnh của hiện thực và khơi gợi cảm xúc trong công chúng.

3.3.2. Điểm khác biệt

Về khía cạnh tính tự phát/ tính tổ chức, “làn sóng” trong báo chí Việt Nam thường mang tính tự phát, phản ánh tư duy cộng đồng và sự gần gũi với thiên nhiên (ví dụ: “làn sóng tẩy chay”, “làn sóng chuyển đổi số”), gọi lên sự lan tỏa tự nhiên, không có trung tâm điều khiển rõ ràng, thể hiện phản ứng xã hội hoặc xu hướng nội sinh. Ẩn dụ này thường gắn với các hiện tượng bùng phát từ cộng đồng, ít chịu sự định hướng chính sách. Ngược lại, “làn sóng” trong báo chí Hàn Quốc được định hình như một hiện tượng có tổ chức, gắn với chiến lược quốc gia về quyền lực mềm (ví dụ: “한류 외교”, “한류 콘텐츠”). Điều này phản ánh sự khác biệt trong mô hình diễn ngôn: diễn ngôn cộng đồng - tự phát (Việt Nam) và diễn ngôn chiến lược - tổ chức (Hàn Quốc).

Về sắc thái văn hóa, cảm xúc: “làn sóng” trong báo chí Việt Nam thường mang sắc thái linh hoạt, có thể tích cực (như “làn sóng chuyển đổi số”), sắc thái trung tính, hoặc tiêu cực (như “làn sóng tẩy chay”). Sắc thái phụ thuộc vào bối cảnh, thường phản ánh phản ứng xã hội hoặc sự tiếp nhận các hiện tượng ngoại lai như Hallyu. Hình ảnh “làn sóng” gợi lên sự gần gũi với thiên nhiên và tính cộng đồng trong văn hóa Việt Nam. Ngược lại, “Hallyu” trong báo chí Hàn Quốc hầu như đều mang sắc thái tích cực, biểu tượng cho sự tự hào dân tộc và thành công toàn cầu. Các cụm như “한류열풍”(làn sóng hallyu) hay “한류콘텐츠” (nội dung hallyu) nhấn mạnh sự bùng nổ và sức hút của văn hóa Hàn Quốc, ít khi mang sắc thái tiêu cực. Hallyu được định hình như một thương hiệu quốc gia, phản ánh tư duy chiến lược và sự tự tin văn hóa.

Về mục đích sử dụng và diễn ngôn: “Làn sóng” trong báo chí Việt Nam được sử dụng linh hoạt trong nhiều lĩnh vực (văn hóa, xã hội, kinh tế, công nghệ) với mục đích mô tả các hiện tượng lan rộng, không nhất thiết gắn với một chiến lược cụ thể, Phản ánh diễn ngôn cộng đồng - tự phát, gắn với văn hóa nông nghiệp và tư duy gần gũi với thiên nhiên. Tuy nhiên, “Hallyu” trong báo chí Hàn Quốc chủ yếu gắn với văn hóa đại chúng và chiến lược quốc gia, với mục đích quảng bá quyền lực mềm và nâng cao vị thế toàn cầu, phản ánh diễn ngôn chiến lược - tổ chức, gắn với tư duy thứ bậc và mục tiêu toàn cầu hóa.

4. Kết luận

1) Qua phân tích ẩn dụ ý niệm trong báo chí Việt Nam và Hàn Quốc, nghiên cứu đã chỉ ra rằng cả “làn sóng” và “Hallyu” đều là những biểu hiện của cơ chế tri nhận ánh xạ - nơi hiện tượng xã hội hay văn hóa được hiểu thông qua hình ảnh quen thuộc của chuyển động “sóng”. Tuy nhiên, mỗi quốc gia lại có cách diễn giải và sử dụng ẩn dụ này khác nhau, phản ánh đặc trưng văn hóa và mục tiêu truyền thông riêng biệt. Trong báo chí Việt Nam, “làn sóng” được dùng để chỉ nhiều hiện tượng xã hội khác nhau như “làn sóng dư luận”, “làn sóng tẩy chay”, “làn sóng khởi nghiệp”... với sắc thái cảm xúc đa dạng như sắc thái tích cực, tiêu cực hay sắc thái trung lập tùy thuộc vào ngữ cảnh. Ẩn dụ này gắn với tư duy cộng đồng, mang tính tự nhiên, tự phát và không nhất thiết có chủ thể điều phối.

Ngược lại, trong báo chí Hàn Quốc, “Hallyu” được xây dựng như một chiến lược truyền thông quốc gia, mang sắc thái tích cực, nhấn mạnh tầm ảnh hưởng toàn cầu của văn hóa Hàn Quốc. Hallyu không chỉ là một hiện tượng, mà còn là biểu tượng của sức mạnh mềm, niềm tự hào dân tộc, và công cụ quảng bá bản sắc văn hóa ra thế giới.

Sự đối lập giữa tính tự nhiên và tính chiến lược, giữa hiện tượng nội địa và biểu tượng quốc gia, giữa cảm xúc đa chiều và niềm tự hào nhất quán, cho thấy cách mỗi nền văn hóa tri nhận và diễn giải hình ảnh “làn sóng” trong ngôn ngữ báo chí, từ đó góp phần hình thành bản sắc truyền thông riêng biệt.

2) Từ kết quả nghiên cứu, có thể đưa ra một số đề xuất mang tính ứng dụng và học thuật như sau:

Về mặt thực tiễn, việc phân tích ẩn dụ “làn sóng” và “Hallyu” có thể được tích hợp vào chương trình dạy và học tiếng Hàn - Việt như một nội dung liên văn hóa. Các bài tập so sánh ẩn dụ, phân tích

khung diễn ngôn hoặc ánh xạ ý niệm sẽ giúp người học hiểu sâu hơn về sắc thái biểu đạt và giá trị văn hóa tiềm ẩn trong ngôn ngữ. Đồng thời, từ kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc định hình hình ảnh “Hallyu” như một thương hiệu văn hóa, Việt Nam có thể rút ra bài học để xây dựng chiến lược truyền thông hiệu quả hơn, phát huy giá trị mềm của văn hóa dân tộc trên các nền tảng truyền thông hiện đại.

Về hướng nghiên cứu tiếp theo, nghiên cứu đề xuất mở rộng phân tích sang các ẩn dụ phổ biến khác như “bùng nổ”, “dòng chảy”, “ngọn lửa”,... trong báo chí và truyền thông đại chúng để xây dựng một hệ thống ánh xạ ẩn dụ đặc trưng của từng nền văn hóa. Ngoài ra, việc phân tích và đối chiếu cách sử dụng “lan sóng” và “Hallyu” không chỉ trong báo chí mà còn trên mạng xã hội sẽ mở ra góc nhìn mới về cách các ẩn dụ ý niệm vận hành trong môi trường truyền thông kỹ thuật số - nơi tốc độ lan truyền và phản ứng công chúng đóng vai trò ngày càng quan trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trần Thị Hương & Cao Thị Hải Bắc (2015), “Ảnh hưởng của Hàn lưu tại Việt Nam: Nhìn từ góc độ liên ngành”. Tạp chí *Hàn Quốc học*, số 4, tr.3-25.

Tiếng Anh

2. Charteris-Black, J. (2004), *Corpus Approaches to Critical Metaphor Analysis*. Palgrave Macmillan.
3. Lakoff, G., & Johnson, M. (1980), *Metaphors We Live By*. University of Chicago Press.
4. Kim, Y. (2020), *The Korean Wave: Evolution, fandom, and transnationality*. Routledge.
5. Kövecses, Z. (2002), *Metaphor: A practical introduction*. Oxford University Press.

Nguồn trang web

<https://motcuocsong.vn/>;
<http://nationalatlas.ngii.go.kr>;
<https://www.naver.com>;
<https://www.snuepress.com>
<https://baophunuthudo.vn/>;
<https://www.ifans.go.kr>
<https://vtv.vn>;
<https://vietnamnet.vn/>

Comparing the metaphors of ‘Lan song’ and ‘Hallyu’ in Vietnamese and Korean media discourse

Abstract: The article analyzes and compares the metaphor “lan song” in Vietnamese journalism and “Hallyu” in Korean journalism using a qualitative approach and the theory of conceptual metaphor (Lakoff & Johnson, 1980). The study focuses on examining the nature of the metaphor, differences in cognitive perception, and the cultural meanings embedded within. The findings reveal that “lan song” in Vietnamese is used as a natural, flexible metaphor, reflecting spontaneous and organic diffusion, whereas “Hallyu” in Korean clearly demonstrates strategic intent, serving as a symbol of national soft power. Through comparative analysis, the article elucidates differences in cultural cognition between Vietnam and Korea, while providing a linguistic foundation for translation and intercultural communication activities.

Key words: conceptual metaphor; wave; Hallyu; media; culture; Vietnam; Korean.